TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH MIỆN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/HNGĐ-ST
Ngày 15-9-2017
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông **Nguyễn Văn Quân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Việt Trung**
2. Ông **Nguyễn Ngọc Nghiêm.**

- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện.

- *Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên toà số 14/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06-9-2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm 1993
ĐKHKTT: thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương, có mặt.
2. Bị đơn: Anh **An Ngọc K**, sinh năm 1988.
ĐKHKTT: thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Chị và anh An Ngọc K kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 06-01-2014, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, mỗi người một quan điểm trái ngược nhau nên thường xuyên xảy ra đánh cãi, chửi nhau. Bên cạnh đó, anh K

là người thường xuyên ghen tuông vô cớ, khi vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, gia đình nhà chồng còn đến tận trường nơi chị công tác chửi bới, xúc phạm danh dự của chị. Từ tháng 02-2017 chị đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

- *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn anh An Ngọc K trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn thống nhất như chị H đã trình bày.* Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống vui vẻ, hoà thuận đến tháng 01-2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, mỗi người có quan điểm trái ngược nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau. Bên cạnh đó, chị H có biểu hiện của lối sống không chung thuỷ, cách cư xử không đúng mực, khi mâu thuẫn xảy ra hay lên mạng xã hội chửi bới, xúc phạm anh và gia đình. Từ tháng 01-2017, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân, anh và bố mẹ anh có xuống tìm để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị H cương quyết không về. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên nhất trí ly hôn chị H để giải phóng cho hai bên khỏi sự ràng buộc.

- Về con chung: Chị H và anh K xác định vợ chồng có 01 con chung là An Ngọc D, sinh ngày 02/01/2015 hiện đang ở với chị H. Chị H đề nghị nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung theo tháng, mỗi tháng là 700.000 đồng/tháng, kể từ tháng 9/2017 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh K cũng xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Anh không nhất trí giao con chung cho chị H nuôi dưỡng vì mức lương hợp đồng của chị H thấp, điều kiện kinh tế của gia đình chị H ở mức trung bình, chị H còn phải đi lấy chồng. Trường hợp Toà án giao con cho chị H, anh sẽ không trợ cấp nuôi con cho chị H, nếu chị H đi lấy chồng thì phải trả con cho anh.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh K đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng Điều 51; 55; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 227; Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-

12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh An Ngọc K.

- Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng con chung và buộc anh An Ngọc K phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H mỗi tháng là 700.000 đồng, kể từ tháng 9/2017 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Chị H, anh K không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ H tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ, hoàn trả chị Nguyễn Thị Mỹ H 150.000 đồng tạm ứng án phí. Anh An Ngọc K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo luật định;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh An Ngọc K được Toà án triệu tập đến tham gia phiên toà hợp lệ lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt anh K.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh An Ngọc K kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tứ Cường ngày 06-01-2014 là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt nên thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Theo chị H trình bày, anh K là người hay ghen tuông vô cớ, nhiều lần chửi bới xúc phạm chị, còn anh K trình bày; chị H có lối sống không chung thuỷ, cách cư xử không đúng mực, hay lên mạng xã hội chửi bới, xúc phạm anh và gia đình anh, từ tháng 2-2017 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Chị H xin ly hôn, anh K nhất trí, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H, anh K là phù hợp với Điều 51, Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là An Ngọc D, sinh ngày 02/01/2015 hiện nay đang ở với chị H, cả hai bên đều có nguyện vọng xin được nuôi con. Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị H và anh K đều chính đáng. Tuy nhiên, tính đến ngày xét xử, cháu D chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại

khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình quy định *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con".* Hiện chị H là giáo viên mầm non T, có mức thu nhập từ lương, phụ cấp, trực trưa hàng tháng theo xác nhận của nhà trường là 3.893.000đ/tháng, mặt khác cháu D đang ở với chị H, có sức khoẻ và cuộc sống ổn định. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của cháu D, Toà án giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù anh K không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên, chị H hiện làm giáo viên mầm non, có mức thu nhập không cao, phải nuôi con nhỏ và có yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con 700.000 đồng/tháng kể từ tháng 9-2017 đến khi con chung trưởng thành. Căn vào khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình quy định "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*", vì vậy cần buộc anh K phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị H mới đảm bảo quyền lợi cho con chung. Theo quy định của pháp luật mức cấp dưỡng tối thiểu ít nhất bằng 1/2 tháng lương cơ bản, bản thân anh K hiện nay làm công nhân, mức thu nhập trung bình hàng tháng từ 4.500.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Vì vậy, buộc anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng với chị H mỗi tháng là 700.000 đồng, kể từ tháng 9/2017 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H, anh K không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Chị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn, do vợ chồng thuận tình ly hôn nên chị H chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định. Sau khi đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp, sẽ trả lại cho chị H. Anh K phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Điều 357 Bộ luật Sân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1- Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh An Ngọc K.

2- Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng con chung An Ngọc D, sinh ngày 02/01/2015. Buộc anh An Ngọc K cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H theo tháng, mỗi tháng là 700.000 đồng (*Bẩy trăm ngàn đồng*), kể từ tháng 9-2017 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành chậm thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không thoả thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H, anh K không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

4- Án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ H tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên thu tiền số AB/2014/0003938 ngày 10/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện. Chị H được trả lại 150.000 đồng tạm ứng án phí. Anh K phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho chị H biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Miện;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân